TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 641/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 04/07/2023
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoàng
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Đoàn Văn Rỹ
2. Bà Thái Thục Hiền

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Hứa Hồng Đào - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh*** *tham gia phiên tòa*: Ông Phan Xuân Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 07 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án thụ lý số 1264/2022/HNST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 05 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 80/2023/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 06 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Cao Thị T; địa chỉ: đường X, Phường Y , Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Trần Minh D; địa chỉ: đường A, Phường L, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong hồ sơ, nguyên đơn là bà Cao Thị T trình bày: Bà và ông Trần Minh D tự nguyện chung sống với nhau từ ngày 20/11/2010, có đăng ký kết hôn. Mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu từ năm 2014, nguyên nhân mâu thuẫn là do chồng cá độ đá bóng và tính tình thô lỗ cọc cằn nên thường xuyên cãi nhau, không hòa hợp được. Do không thể chịu đựng được nên bà đã dẫn các con rời khỏi nhà gia đình ông D và vợ chồng đã ly thân đến nay đã một năm. Bà nhận thấy tình cảm đối với ông D không còn nên yêu cầu được ly hôn. Về con chung thì vợ chồng có bốn con chung tên Trần Thị Tường N, sinh ngày 22/08/2011; Trần Thị Tường V, sinh ngày 09/12/2013; Cao Trần Minh P, sinh ngày 09/12/2013 và Cao Trần Minh T1, sinh ngày 25/03/2019. Bà yêu cầu

được nuôi hai con tên Trần Thị Tường N và Cao Trần Minh T1, còn hai con tên Trần Thị Tường V và Cao Trần Minh P thì giao cho ông D nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng cho con hoặc bà sẽ trực tiếp nuôi hết bốn con nhưng ông D phải cấp dưỡng mỗi tháng cho mỗi con 2.500.000 đồng, tổng cộng số tiền cấp dưỡng cho bốn con mỗi tháng là 10.000.000 đồng vì trong thời gian ly thân một năm nay ông D vẫn đưa cho bà 6.000.000 đồng và đóng chi phí học cho con, tổng cộng số tiền ông D đưa hàng tháng khoảng 10.000.000 đồng.

Bị đơn là ông Trần Minh D đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án để giải quyết nên không có lời khai.

Các con chung là Trần Thị Tường N, Trần Thị Tường V, Cao Trần Minh P đều có ý kiến là muốn chung sống với mẹ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã tuân theo pháp luật tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện về tranh chấp ly hôn; bị đơn đang cư trú tại Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về việc xét xử vắng mặt các đương sự: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên phiên tòa tiến hành theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 152/2011 quyển số 01/2011 ngày 3/1/2011 của Ủy ban nhân dân Phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh thì bà Cao Thị T và ông Trần Minh D có quan hệ vợ chồng. Tuy mâu thuẫn vợ chồng chỉ căn cứ vào lời khai của bà T nhưng có cơ sở cho rằng mâu thuẫn của vợ chồng là có thật vì hai người đang phải sống ly thân; còn ông D thì không đến Tòa án để trình bày rỏ sự việc mâu thuẫn của vợ chồng, cho thấy ông D không quan tâm kết quả giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[4] Về việc nuôi con chung: Căn cứ bản sao trích lục khai sinh thì bà T và ông D có 4 con tên Trần Thị Tường N, sinh ngày 26/04/2019; Trần Thị Tường V, sinh ngày 9/12/2013; Cao Trần Minh P, sinh ngày 9/12/2013 và Cao Trần Minh T1, sinh ngày 25/3/2019. Xét thấy, các con chung đang sống chung với bà T và đều có nguyện vọng muốn chung sống với mẹ, còn ông D thì không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử quyết định giao bốn con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về việc cấp dưỡng cho con: Theo quy định, người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Theo lời khai của bà T thì ông D là kỷ sư ngành viễn thông, ông D đang có việc làm, công việc là giám sát công trình, mức lương cơ bản là 12.000.000 đồng và các khoản thu nhập ngoài lương. Xét thấy, số tiền yêu cầu cấp dưỡng cho mỗi con không lớn và phù hợp khả năng cấp dưỡng của ông D nên yêu cầu của bà T về việc buộc ông D cấp dưỡng mỗi tháng cho mỗi con 2.500.000 đồng được chấp nhận.

[5] Về việc chia tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí Tòa án: Bà Cao Thị T là nguyên đơn trong vụ án tranh chấp ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng. Ông Trần Minh D là người phải cấp dưỡng cho con theo định kỳ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Căn cứ khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc ly hôn.

Bà Cao Thị T được ly hôn ông Trần Minh D.

Quan hệ hôn nhân giữa bà Cao Thị T với ông Trần Minh D chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 152/2011 quyển số 01/2011 ngày 03/10/2011 của Ủy ban nhân dân Phường Tân Hưng, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật)

2. Về việc nuôi con chung:

Bà Cao Thị T được trực tiếp nuôi bốn con chung tên Trần Thị Tường N, sinh ngày 26/04/2019; Trần Thị Tường V, sinh ngày 9/12/2013; Cao Trần Minh P, sinh ngày 9/12/2013 và Cao Trần Minh T1, sinh ngày 25/3/2019.

Ông Trần Minh D phải cấp dưỡng mỗi tháng cho mỗi con 2.500.000 đồng, tổng cộng số tiền cấp dưỡng cho bốn con mỗi tháng là 10.000.000 đồng.

Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con đủ 18 tuổi; thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bà Cao Thị T có đơn yêu cầu thi hành việc cấp dưỡng, nếu ông Trần Minh D chậm thi hành thì ông Trần Minh D còn phải trả cho bà Cao Thị T khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành.

Ông Trần Minh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con, không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng cho con.

3. Về việc chia tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí Tòa án:

Bà Cao Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0017799 ngày 07/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận 8; bà Cao Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trần Minh D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

5. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bên được thi hành án dân sự, bên phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- UBND Phường Tân Hưng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Minh Hoàng

HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN